

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2025

"V/v kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/02/2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc kiện "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025, và Thông báo mở lại phiên toà số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1989.

Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố 01, P, phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.  
Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T; sinh năm 1979.

Địa chỉ HKTT: Tổ dân phố 01, P, phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.  
Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/10/2024, được bổ sung tại bản tự khai ngày 24/10/2024 cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị

N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2010 tại UBND xã Thuận Đức, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 02 quyển số: 01/2010 anh chị kết hôn hoàn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị N nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm, kinh tế gặp nhiều khó khăn, công việc không ổn định, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T thường dùng bạo lực đập đánh chị. Mâu thuẫn nặng nề nhất là vào tháng 5/2024 anh T đánh chị N gãy tay, gãy xương mũi chị N phải vào bệnh viện cấp cứu. Vì thương con nên chị đã chịu đựng để con cái ổn định tinh thần học tập. Nhưng anh T không thay đổi, mà cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến gia đình. Mặc dù trong gia đình chị đã làm tròn bổn phận một người vợ, người mẹ. Vì quá mệt mỏi và không thể chịu đựng được nên chị đã cùng các con thuê nhà ở và sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, chị một mình nuôi con và lo lắng cho con. Anh T chưa một lần trợ cấp tiền nuôi con vì chị biết rằng anh T không đủ khả năng nên chị cũng không đòi hỏi gì. Nay chị N nhận thấy cuộc sống gia đình của anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm vợ chồng xác định không còn, cuộc sống chung không có, nên nguyện vọng chị N xin được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

- Về quan hệ con chung:

Vợ chồng chị N và anh T có 03 con chung: Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 17/10/2010; Trần Ngọc Khánh H, sinh ngày: 27/02/2013; Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 09/5/2019 hiện các con đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị N xin được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề shipper cũng có thu nhập ổn định đủ cho cuộc sống của mẹ con chị, thu nhập hàng tháng từ 9.000.000 - 12.000.000 đồng, còn anh T hiện không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Khi nào anh T có điều kiện thì chị sẽ yêu cầu cấp dưỡng sau. Các cháu Hưng và Hà đều có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung:

Chị N khai vợ chồng tự thỏa thuận và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh Trần Ngọc T kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho anh T nhưng anh từ chối nhận giấy và có tình không hợp tác, do đó Tòa án tiến hành niêm yết giấy triệu tập và Thông báo về phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án.

Tại công văn số: 2274/2024/CV-TA ngày Ngày 30/10/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình gửi phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình về việc tra cứu thông tin xuất nhập cảnh của anh Trần Ngọc T. Tại công văn số: 3357/CV-QLXNC ngày 11/12/2024 của phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình không có thông tin xuất nhập cảnh của Trần Ngọc T.

Qua xác minh tại Công an phường B, thành phố Đồng Hới cũng như công văn trả lời số: 121/BC-CAP của Công an phường B thì hiện nay anh Trần Ngọc T có hộ khẩu tại Tổ dân phố 1 P, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, hiện nay anh T vẫn đang sinh sống tại nhà riêng và có mặt tại địa phương. Công an Phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã có mặt tại nhà riêng của anh T để tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh T không hợp tác. Do đó bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình, bị đơn cố tình không hợp tác. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên toà, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc T. Chị N được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung tên là: Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 17/10/2010; Trần Ngọc Khánh H, sinh ngày: 27/02/2013; Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 09/5/2019 anh T chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; là nơi bị đơn anh Trần Ngọc T có địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 1 P, phường B, thành phố

Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh T kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh T từ chối không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại nơi cư trú của bị đơn, đồng thời tiến hành xác minh tại Tổ dân phố nơi anh T đang cư trú. Nhận thấy, việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được. Vì vậy Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số: 199/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 04/02/2025 xét xử vào ngày 14/02/2025 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Ngọc T

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T đã kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp, đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống mà vợ chồng gặp phải, không biết cùng nhau gánh vác chuyện gia đình, không tìm được tiếng nói chung, sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù chị thương con nên cố gắng chịu đựng, nhưng áp lực gia đình, anh chị đã ly thân từ tháng 7/2024 đến nay, từ đó đến nay anh T cũng không có một cuộc điện thăm mẹ con chị, nên cũng không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân cũng như tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Chị N xác định vợ chồng tình cảm không còn nên chị làm đơn xin ly hôn. Về phía anh T biết rõ chị N làm đơn xin ly hôn nhưng cũng không có ý kiến gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc và cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị N được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng chị N và anh T có 03 con chung: Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 17/10/2010; Trần Ngọc Khánh H, sinh ngày: 27/02/2013; Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 09/5/2019. Xét điều kiện của anh chị hiện nay đã sống ly thân, các con đang ở cùng chị N, các con đã trên 07 tuổi có đơn xin trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hơn nữa anh T cũng không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của mình. Chị N cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi 03 con, chị N khẳng định hiện nay thu nhập tiền làm nghề shipper lương thu nhập hàng tháng bình quân từ 9.000.000 đồng - 12.000.000 đồng, chị cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con chị, cần được chấp nhận. Hiện tại anh T không có công việc và thu nhập ổn định, chị N có đủ khả năng để nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh T cấp dưỡng, sau này anh T có điều kiện thì chị N sẽ yêu cầu sau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này theo khoản 1 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thị N khai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung:

Xử: Giao 03 con chung: Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 17/10/2010; Trần Ngọc Khánh H, sinh ngày: 27/02/2013; Trần Ngọc Nguyễn H, sinh ngày: 09/5/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu nộp số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền chị N phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Đồng Hới theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu: BLTU/23, số: 0001400 ngày 09 tháng 10 năm 2024.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ:

Anh Trần Ngọc T không phải nộp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

*Nơi nhận*

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- VKSND Thẩm phán Đồng Hới
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Mỹ Lệ**

